

TUẦN 8

Thứ hai ngày 27 tháng 10 năm 2014

Học vần

Bài : UA – ƯA

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức:

- Học sinh đọc được ua, ưa, cua bể, ngựa gỗ, từ và câu ứng dụng.
- Viết được ua, ưa, cua bể, ngựa gỗ.
- Luyện nói từ 2- 3 câu theo chủ đề: Giữa trưa.

2. Kỹ năng :

- Rèn cho hs đọc to rõ ràng phát âm chuẩn.

3. Thái độ :

- GD học sinh đọc đúng, viết chữ đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Tranh.
- Học sinh: Bộ ghép chữ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1’

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3’	Tiết 1: * Kiểm tra:	* Gv viết bảng ia, tờ bìa, lá mía, vĩa hè, tia lá, bìa đá, bìa vở. Dạy vần	- HS đọc cá nhân, đồng thanh
15’	*Hoạt động 1:	*Viết bảng: ua. + Đây là vần gì? -Phát âm: ua. -Hướng dẫn HS gắn vần ua. -Hướng dẫn HS phân tích vần ua. -Hướng dẫn HS đánh vần vần ua. -Đọc: ua. -Hướng dẫn học sinh gắn: cua. -Hướng dẫn học sinh phân tích tiếng cua. - Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng cua. -Đọc: cua. -Treo tranh giới thiệu: cua bể. -Đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc. -Đọc phần 1.	Vần ua Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần ua có âm u đứng trước, âm a đứng sau: Cá nhân U – a – ua: cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. - Tiếng cua có âm c đứng trước vần ua đứng sau. cờ – ua – cua: cá nhân. Cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm.
3’	*Nghỉ giữa		

8'	<p>tiết:</p> <p>*Hoạt động 2:</p>	<p>*Viết bảng: ua.</p> <p>- Đây là vần gì? -Phát âm: ua. -Hướng dẫn HS gắn vần ua. -Hướng dẫn HS phân tích vần ua.</p> <p>-So sánh: +Giống: a cuối. +Khác: u – ư đầu -Hướng dẫn HS đánh vần vần ua. -Đọc: ua. -Hướng dẫn HS gắn tiếng ngựa.</p> <p>-Hướng dẫn HS phân tích tiếng ngựa.</p> <p>-Hướng dẫn HS đánh vần tiếng ngựa. ngựa -Treo tranh giới thiệu: ngựa gỗ. -GV đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc từ : ngựa gỗ -Đọc phần 2. -Đọc bài khóa.</p>	<p>Vần ua. Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần ua có âm ư đứng trước, âm a đứng sau: cá nhân.</p> <p>So sánh.</p> <p>ư - a - ua: cá nhân, lớp.</p> <p>Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn.</p> <p>Tiếng ngựa có âm ng đứng trước, vần ua đứng sau, dấu nặng đánh dưới âm ư: cá nhân. ngờ - ua - ngựa - nặng - ngựa: cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp.</p>
8'	<p>*Hoạt động 3:</p>	<p>*Viết bảng con: ua – ua – cua bề - ngựa gỗ. -Hướng dẫn cách viết. -Nhận xét, sửa sai.</p> <p>* Đọc từ ứng dụng. cà chua tre nứa nô đùa xưa kia</p> <p>Giảng từ -Hướng dẫn HS nhận biết tiếng có ua,ua. -Hướng dẫn HS đánh vần tiếng, đọc trơn từ. -Đọc toàn bài.</p>	<p>Cá nhân, lớp. Cá nhân, lớp.</p> <p>HS viết bảng con.</p> <p>2 - 5 em đọc.</p> <p>chua, đùa, nứa, xưa .</p>
2'	<p>*Nghỉ chuyên tiết.</p>	<p>Cá nhân, lớp.</p>	

15'	<p>Tiết 2: *Hoạt động 1:</p>	<p>* Luyện đọc. -Đọc bài tiết 1. -Treo tranh giới thiệu câu ứng dụng. -Đọc câu ứng dụng: Mẹ đi chợ mua khê, mía, dứa, thị cho bé. -Giáo viên đọc mẫu. -Đọc toàn bài.</p>	<p>2 em đọc. Nhận biết tiếng có ua - ư.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p>
15'	<p>*Hoạt động 2:</p>	<p>* Luyện viết. -Lưu ý nét nối giữa các chữ và các dấu. -Thu chấm, nhận xét.</p>	<p>Viết vào vở tập viết.</p>
2'	<p>*Nghỉ giữa tiết:</p>	<p>-Thu chấm, nhận xét.</p>	
5'	<p>*Hoạt động 3:</p>	<p>* Luyện nói: -Chủ đề: Giữa trưa. -Treo tranh: + Tranh vẽ gì? + Giữa trưa thì đồng hồ chỉ mấy giờ? + Hàng ngày, giữa trưa thì ở nhà em, mọi người làm gì?</p>	<p>Giữ trưa. 12 giờ.</p>
3'	<p>*Hoạt động 4:</p>	<p>-Nêu lại chủ đề: Giữa trưa. -Chơi trò chơi tìm tiếng mới có ua – ư: gió lùa, dứa hấu... *Dặn HS học thuộc bài ua – ư.</p>	<p>Vì giữa trưa trời nắng nên mọi người nghỉ ngơi. Tự trả lời.</p>

**Đạo đức
GIA ĐÌNH EM (Tiết 2)**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức:

- Học sinh biết lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ và anh chị. Yêu quý gia đình mình
- Quý trọng những bạn biết lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs có kỹ năng sống trong giao tiếp.

3. Thái độ:

- GD HS biết quý trọng những người thân trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Tranh, đồ dùng cho học sinh chơi sắm vai.
- Học sinh: Sách bài tập đạo đức.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ôn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
10'	<p>*Giới thiệu bài: Gia đình em.</p> <p>*Hoạt động 1:</p>	<p>Cho học sinh chơi trò chơi: “Đổi nhà”.</p> <p>-Cách chơi: Học sinh đứng thành vòng tròn điểm danh 1 2 3 cho đến hết. Người số 1 và 3 nắm tay nhau tạo thành nhà, người số 2 đứng giữa tượng trưng cho gia đình. Khi giáo viên hô “đổi nhà” người số 2 đổi chỗ cho nhau, nếu em nào không có nhà sẽ ra ngoài làm quản trò.</p> <p>-Kết luận: Gia đình là nơi em được cha mẹ và những người trong gia đình che chở, yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo.</p>	<p>Học sinh đọc lại đề.</p> <p>Học sinh nghe giáo viên hướng dẫn.</p> <p>Học sinh chơi – Trả lời 1 số câu hỏi: Em cảm thấy thế nào khi bị mất nhà, có nhà?</p> <p>Gọi 1 em lên nhắc lại kết luận.</p>
10'	<p>*Hoạt động 2:</p>	<p>* 3 em đóng vai tiểu phẩm “Chuyện của bạn Long”.</p> <p>-Các vai: Long, mẹ Long, các bạn Long.</p>	<p>Học sinh theo dõi và thảo</p>

	<p>7' *Hoạt động 3:</p>	<p>+ Em có nhận xét gì về việc làm của Long? Long đã vâng lời mẹ chưa? + Điều gì sẽ xảy ra khi Long không vâng lời mẹ? Học sinh tự liên hệ. + Sống trong gia đình, em được bố mẹ quan tâm như thế nào? + Em đã làm gì để bố mẹ vui lòng? -Gọi 1 số em trình bày trước lớp.</p> <p>*Kết luận chung: Trẻ em có quyền có gia đình, được sống cùng cha mẹ. Được cha mẹ yêu thương, che chở, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo. -Cần thông cảm, chia sẻ với những bạn thiệt thòi không được sống cùng gia đình. -Trẻ em phải có bổn phận yêu quý gia đình, kính trọng, lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ. Giáo viên bắt cho cả lớp bài hát "Cả nhà thương nhau". + Học bài gì? (Gia đình em). + Em phải làm gì để mọi người trong gia đình vui lòng? (Ngoan, học giỏi, vâng lời...) -Phải vâng lời ông bà, cha mẹ, anh chị.</p>	<p>luận Mẹ chuẩn bị đi làm, dặn Long: Long ơi! Mẹ đi làm, con ở nhà học bài và trông nhà cho mẹ. Long đang ngồi học thì các bạn rủ đi đá bóng. Long đi đá bóng với các bạn. Long chưa vâng lời mẹ. Không học xong bài, làm mẹ buồn... Học sinh hoạt động thảo luận theo nhóm 2. Học sinh trình bày trước lớp. 2 em nhắc lại ý 1. 2 em nhắc lại ý 2. 2 em nhắc lại ý 3. Học sinh theo dõi. Hát cả lớp, nhóm, cá nhân.</p>
	<p>5' Hoạt động 4:</p>		

Thứ ba ngày 28 tháng 10 năm 2014

**Học vần
Bài : ÔN TẬP**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức:

- Củng cố các vần đã học có kết thúc bằng a.
- Đọc đúng ia, ua, ưa, các từ ngữ và câu ứng dụng từ bài 28 đến bài 31
- Viết được ia, ua, ưa, các từ ngữ ứng dụng.
- Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể: Khi và Rùa.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs đọc to rõ ràng phát âm chuẩn.

3. Thái độ:

- GD học sinh đọc đúng, viết chữ đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- GV: Bảng ôn, tranh.
- HS: Bộ ghép chữ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3'	Tiết 1: * Kiểm tra: * Giới thiệu bài: Ôn tập. * Hoạt động 1:	* Gv viết bảng: ua, ưa, cua bể, ngựa gỗ, giữa trưa, nơ đùa, tre nứa. * Nêu những vần đã học. -HS nhắc lại những vần có a ở cuối. -GV ghi góc bảng. -GV treo bảng ôn. -HDHS ghép âm thành vần. -GV viết vào bảng ôn.	- HS đọc cá nhân, cả lớp ia – ua – ưa.
15'			Ghép các chữ ghi âm ở cột dọc với dòng ngang sao cho thích hợp để tạo thành vần.
1'	* Nghỉ giữa tiết: * Hoạt động 2:	* Đọc từ ứng dụng: mua mía ngựa tía mùa dưa tria đỗ	2 – 3 em đọc.
15'			

15'	<p>*Nghỉ chuyển tiết: Tiết 2: *Hoạt động 1:</p>	<p>-Giáo viên giảng từ. -Nhận biết tiếng có vần vừa ôn. -Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng, đọc trơn từ. -GV đọc mẫu. * Viết bảng con: -Hướng dẫn cách viết.</p>	<p>Học sinh gạch chân những tiếng có vần vừa ôn. Đánh vần, đọc từ. Cá nhân, lớp. Học sinh viết bảng con. mùa dưa, ngựa tía. Chữ mùa :Viết mờ ,nổi nét viết chữ u, lia bút viết chữ a và dấu huyền. Chữ dưa :Viết chữ d nổi nét viết chữ u, lia bút viết chữ a Chữ ngựa :Viết chữ ng , lia bút viết u nổi nét viết chữ a và dấu nặng. Chữ tía :Viết chữ t nổi nét viết chữ i, lia bút viết chữ a và dấu sắc</p>
10'	<p>*Hoạt động 2:</p>	<p>* Luyện đọc -Đọc lại bảng ôn và từ ứng dụng. * Luyện đọc câu ứng dụng. -Treo tranh - Bức tranh vẽ gì? -Giới thiệu bài ứng dụng: Gió lùa kẽ lá Lá khẽ đu đưa Gió qua cửa sổ Bé vừa ngủ trưa. -Giáo viên giảng nội dung bài ứng dụng. Hướng dẫn học sinh nhận biết 1 số tiếng có vần ua – ư. -GV đọc mẫu.</p>	<p>Cá nhân, lớp. Bé đang nằm ngủ trên võng. 2 em đọc. Nhận biết số tiếng có vần ua - ư (lùa, đưa, cửa, trưa) HS đọc cá nhân, lớp.</p>
10'	<p>*Nghỉ giữa tiết: *Hoạt động 3:</p>	<p>* Luyện viết. mùa dưa, ngựa tía. -Thu chấm, nhận xét.</p>	<p>Viết vở tập viết.</p>

<p>3'</p>	<p>*Hoạt động 4:</p>	<p>Kể chuyện: Khi và rùa. -Giới thiệu câu chuyện -GV kể chuyện lần 1. -GV kể chuyện lần 2 có tranh minh họa. -T1: Rùa và Khi chơi rất thân. Rùa thì chậm chạp nhưng lại nhanh mồm, miệng. Một hôm, Khi bảo cho Rùa biết vợ Khi mới sinh con. Rùa vội vàng theo Khi đến thăm gia đình Khi. -T2: Sắp đến nhà, Khi chỉ cho Rùa biết nhà của nó ở trên 1 chạc cây cao. Khi bảo bác Rùa cứ nậm chặt đuôi tôi. Tôi lên đến đâu bác lên đến đó. -T3: Khi trèo được lên cây, Rùa chưa lên đến nhà, vợ Khi đã đơn đả chào: Chào bác Rùa... -T4: Vốn là người hay nói, Rùa liền đáp lại. Nhưng vừa mở miệng để nói thì Rùa đã rơi bịch xuống đất, cái mai bị rạn nứt cả. Ngày nay, trên mai Rùa vẫn còn những vết rạn nứt ngày ấy. -Gọi học sinh kể ->Ý nghĩa: Khi đã là bạn thân thì vui buồn có nhau, nhớ đến nhau. Chào hỏi lễ phép là rất tốt, nhưng cũng cần chú ý hoàn cảnh, tư thế của mình khi chào hỏi. -Chơi trò chơi tìm tiếng có vần vừa ôn. -Dặn học sinh về học bài.</p>	<p>Theo dõi.</p> <p>HS kể theo nội dung tranh. 1 HS kể toàn chuyện. Cá nhân.</p> <p>Cá nhân, lớp. Nhắc lại.</p>
-----------	-----------------------------	--	--

LUYỆN TẬP(trang 48)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức

- Học sinh thuộc bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 3 và 4.

2. Kỹ năng:

- Tập biểu thị tình huống trong tranh bằng 1 hoặc 2 phép tính thích hợp.

3. Thái độ:

- Giáo dục học sinh kỹ năng tính toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Sách. mẫu vật.

- Học sinh: Bộ đồ dùng học toán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3'	Kiểm tra	Ôn bảng cộng Đọc thuộc bảng cộng phạm vi 4 $3 + 1 =$ $2 + 2 =$ $1 + 3 =$ $2 + \dots = 4$ $\dots + 1 = 4$ $4 = 3 + \dots$	HS làm bài.
10'	*Hoạt động 1:	Gọi học sinh nêu yêu cầu bài trên bảng -Lưu ý: Viết số thẳng cột với nhau.	Yêu cầu tính theo hàng dọc. Học sinh làm bài. $\begin{array}{r} 3 \qquad 2 \qquad 2 \\ 1 \qquad 1 \qquad 2 \\ \hline 4 \qquad 3 \qquad 4 \end{array}$ $\begin{array}{r} 1 \qquad 1 \\ 2 \qquad 3 \\ \hline 3 \qquad 4 \end{array}$
		Giáo viên nhận xét, sửa sai Yêu cầu học sinh đọc thuộc bảng cộng 4	Học sinh làm bảng con Học sinh đọc cá nhân, nhóm, dãy bàn, cả lớp
	Hoạt động 2:	Vận dụng thực hành <u>Bài 1:</u>	Viết số thích hợp vào ô trống:

20'	<p>Gọi học sinh nêu yêu cầu bài VD: Lấy 1 cộng 1 bằng 2. Viết 2 vào ô trống:</p> $\begin{array}{r} +1 \\ 1 \longrightarrow \square \end{array}$ <p><u>Bài 2:</u> Y/ c hs thực hành bộ đồ dùng toán</p> <p>- Ta phải làm bài này như thế nào?</p> <p><u>Bài 3:</u> Giáo viên treo tranh -Gọi học sinh nêu bài toán.</p> <p>-Gọi 3 học sinh lên bảng làm.</p>	$\begin{array}{r} +1 \\ 1 \longrightarrow \square 2 \end{array}$ <p>Lấy $1 + 1 = 2$, lấy $2 + 1 = 3$.</p> <p>Học sinh thi theo tổ Học sinh lên bảng , cả lớp theo đổi .</p> <p>$2 + 1 + 1 = 4$ $1 + 2 + 1 = 4$</p>
5'	<p>Hoạt động 3:</p> <p>-Thu bài, chấm. -Cho học sinh thi gắn phép tính đúng $\square + \square = 4$, $\square + \square = 3$ -Về tập làm 1 số bài tập, học thuộc phép cộng trong phạm vi 4.</p>	

Thứ tư ngày 29 tháng 10 năm 2014

Học vần

Bài : OI – AI

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức

- Học sinh đọc được oi, ai, nhà ngói, bé gái. Đọc được từ, câu ứng dụng
- Viết được oi, ai, nhà ngói, bé gái. .
- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: Sẻ, ri, bói cá, le le.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs đọc đúng vần, tiếng, từ, câu.

3. Thái độ:

- GD học sinh đọc đúng, viết chữ đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Tranh.
- Học sinh: Bộ ghép chữ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1’

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3’ 15’	Tiết 1: *Kiểm tra : *Hoạt động 1:	* ua , ua, cua bể , ngựa gỗ *Viết bảng: oi *Viết bảng: -Phát âm: oi. -Hướng dẫn HS gắn vần oi. -Hướng dẫn HS phân tích vần oi. -Hướng dẫn HS đánh vần vần oi. -Đọc: oi. -Hướng dẫn học sinh gắn: ngói. -Hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ngói. - Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng ngói.	Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần oi có âm o đứng trước, âm i đứng sau: Cá nhân. o – i – oi: cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Tiếng ngói có âm ng đứng trước, vần oi đứng sau, dấu sắc trên âm o. ngờ - oi - ngói - sắc - ngói: cá nhân.

	<p>*Nghỉ giữa tiết:</p> <p>*Hoạt động 2:</p> <p>*Hoạt động 3:</p>	<p>-Đọc: ngôi. -Treo tranh giới thiệu: nhà ngôi. -Đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc. -Đọc phần 1.</p> <p>*Viết bảng : ai . -Phát âm: ai. -Hướng dẫn HS gắn vần ai. -Hướng dẫn HS phân tích vần ai.</p> <p>-So sánh: +Giống: i cuối. +Khác: o - a đầu -Hướng dẫn HS đánh vần vần ai. -Đọc: ai. -Hướng dẫn HS gắn tiếng gái. -Hướng dẫn HS phân tích tiếng gái.</p> <p>-Hướng dẫn HS đánh vần tiếng gái. -Treo tranh giới thiệu: bé gái. -GV đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc từ : bé gái -Đọc phần 2. -Đọc bài khóa.</p>	<p>Cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm.</p> <p>Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần ai có âm a đứng trước, âm i đứng sau: cá nhân. So sánh.</p> <p>a – i – ai: cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Tiếng gái có âm g đứng trước, vần ai đứng sau, dấu sắc đánh trên âm a: cá nhân. gờ - ai - gai - sắc - gái: Cá nhân, nhóm, lớp.</p>
<p>15'</p>	<p>*Nghỉ chuyên tiết.</p> <p>Tiết 2:</p> <p>*Hoạt động 1:</p> <p>*Hoạt</p>	<p>*Viết bảng con: oi – ai – nhà ngôi - bé gái. -Hướng dẫn cách viết. -Nhận xét, sửa sai. Đọc từ ứng dụng.</p> <p>ngà voi gà mái cái còi bài vở</p> <p>Giảng từ -Hướng dẫn HS nhận biết tiếng có oi – ai. -Hướng dẫn HS đánh vần tiếng, đọc trơn từ. -Đọc toàn bài.</p> <p>*Luyện đọc.</p>	<p>Cá nhân, lớp.</p> <p>HS viết bảng con.</p> <p>2 – 3 em đọc voi, còi, mái, bài.</p> <p>Cá nhân, lớp. Cá nhân, lớp. Cá nhân, lớp.</p>

1'	<p>động 2:</p> <p>*Nghỉ giữa tiết:</p> <p>*Hoạt động 3:</p>	<p>-Đọc bài tiết 1. -Treo tranh giới thiệu câu ứng dụng. -Đọc câu ứng dụng: Chú bói cá nghĩ gì thế? Chú nghĩ về bữa trưa. -Giáo viên đọc mẫu. -Đọc toàn bài.</p> <p>* Luyện viết. -Lưu ý nét nối giữa các chữ và các dấu. -Thu chấm, nhận xét.</p> <p>* Luyện nói: -Chủ đề: Sẻ, ri, bói cá, le le. -Treo tranh: + Trong tranh vẽ những con gì? + Chim sẻ và chim ri thích ăn gì? Chúng sống ở đâu?</p> <p>-Nêu lại chủ đề: Sẻ, ri, bói cá, le le.</p>	<p>2 em đọc. Nhận biết tiếng có oi.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Viết vào vở tập viết.</p> <p>Cá nhân, lớp. Sẻ, ri, bói cá, le le.</p> <p>Tự trả lời.</p> <p>Ăn thóc lúc. Sống ở trên cành cây.</p>
15'	<p>*Hoạt động 4:</p>	<p>-Chơi trò chơi tìm tiếng mới có oi – ai: mỗi một, con nai... -Dặn HS học thuộc bài oi – ai.</p>	<p></p>
3'	<p>*Hoạt động 4:</p>	<p></p>	<p></p>

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 5 (trang 49)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức

- Học sinh tiếp tục củng cố khái niệm ban đầu về phép cộng.
- Thành lập và ghi nhớ phép cộng trong phạm vi 5.
- Biết làm tính cộng trong phạm vi 5.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs tính cẩn thận khi làm bài.

3. Thái độ:

- GD hs có kỹ năng tính toán đúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Các nhóm mẫu vật, số, dấu, sách.
- Học sinh: Sách, bộ đồ dùng học toán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ôn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3'	Kiểm tra	- Học sinh đọc bảng cộng trong phạm vi 4 $2 + 1 + 1 = 4$ $1 + 2 + 1 = 4$ $1 + 1 + 1 = 3$ $1 + 1 + 2 = 4$	-Học sinh làm bảng con
15'	*Hoạt động 1:	*Giới thiệu bài: Phép cộng trong phạm vi 5. Ghi đề. Giới thiệu phép cộng, bảng cộng trong phạm vi 5. -Gắn 4 con cá, thêm 1 con cá. Hỏi có tất cả mấy con cá? -Gọi học sinh trả lời. -Yêu cầu học sinh gắn phép tính. -Giáo viên viết lên bảng $1 + 4 =$	Nhắc lại đề bài. 1 em trả lời: có 4 con cá thêm 1 con cá được 5 con cá. Cả lớp gắn $4 + 1 = 5$, đọc cả

15'	<p>*Nghỉ giữa tiết:</p> <p>*Hoạt động 2: 15ph</p>	<p>5</p> <p>-Gắn 1 cái mũ thêm 4 cái mũ. Hỏi có tất cả mấy cái mũ?</p> <p>-Yêu cầu học sinh gắn phép tính. -Giáo viên viết lên bảng $1 + 4 = 5$.</p> <p>-H: Có nhận xét gì về kết quả 2 phép tính? -Giảng: Trong phép cộng khi đổi chỗ các số thì kết quả không thay đổi. -Gắn 3 con vịt thêm 2 con vịt.</p> <p>-Yêu cầu học sinh gắn phép tính. -Gắn 2 cái áo thêm 3 cái áo.</p> <p>-Cho học sinh nhận xét về 2 phép tính vừa gắn. -Cho học sinh đọc lại toàn bài, giáo viên xóa dần kết quả.</p> <p>Vận dụng thực hành :</p> <p>* Bài 1: Cho học sinh nêu yêu cầu, gọi 1 em lên sửa bài. Học sinh nhận xét.</p> <p>* Bài 2: – Học sinh nêu yêu cầu ,hướng dẫn học sinh tự làm bài, 1 em lên bảng sửa bài.</p> <p>* Bài 4: (a) Quan sát tranh nêu bài toán.</p>	<p>lớp. Học sinh quan sát nêu đề toán. 1 em trả lời: có 1 cái mũ thêm 4 cái mũ là 5 cái mũ.</p> <p>$1 + 4 = 5$ Đọc cả lớp.</p> <p>Kết quả 2 phép tính bằng nhau. Học sinh nêu lại.</p> <p>Học sinh nêu đề toán, 1 học sinh trả lời. $3 + 2 = 5$, đọc cả lớp. Học sinh nêu đề toán $2 + 3 = 5$ $3 + 2 = 2 + 3$</p> <p>Cá nhân, nhóm, lớp.</p> <p>Tính, ghi kết quả sau dấu = $4 + 1 = 5$ $2 + 3 = 5$ $2 + 2 = 4$ $4 + 1 = 5$ $3 + 2 = 5$ $1 + 4 = 5$ $2 + 3 = 5$ $3 + 1 = 5$ cả lớp làm vở, đổi vở sửa bài Tính Tính theo hàng dọc, viết kết quả thẳng số ở trên.</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">4</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">2</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">+1</td> <td style="text-align: center;">+3</td> <td style="text-align: center;">+2</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">—</td> <td style="text-align: center;">—</td> <td style="text-align: center;">—</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">4</td> </tr> </table> <p>Học sinh điền kết quả vào 2 dòng đầu “Nếu đổi chỗ các số trong phép cộng thì kết quả không thay đổi. * Xem tranh, nêu bài toán. Có 4 con hươu xanh và 1 con</p>	4	2	2	+1	+3	+2	—	—	—	5	5	4
4	2	2													
+1	+3	+2													
—	—	—													
5	5	4													

3'	*Hoạt động 3:	<p>-Yêu cầu học sinh nêu đề bài, gợi ý cho học sinh nêu bài toán theo 2 cách.</p> <p>-Cho học sinh xem tranh 2, nêu đề toán theo 2 cách.</p> <p>-Gọi học sinh lên chữa bài.</p> <p>-Thu chấm, nhận xét.</p> <p>-Thi đọc thuộc các phép tính: Cá nhân, lớp.</p> <p>-Học thuộc các phép tính.</p>	<p>hươu trắng. Hỏi có tất cả mấy con hươu?</p> <p>Hs viết vào ô trống $4 + 1 = 5$</p> <p>Có 1 con hươu trắng và 4 con hươu xanh. Hỏi có tất cả mấy con hươu?</p> <p>Học sinh viết $1 + 4 = 5$ $3 + 2 = 5$ hoặc $2 + 3 = 5$</p>
----	----------------------	---	--

Thứ năm ngày 30 tháng 10 năm 2014

Học vần
Bài : ÔI – OI

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức

- Học sinh đọc được ôi, oi, trái ôi, bời lội. đọc được từ và câu ứng dụng
- Viết được oi, oi, trái ôi, bời lội .
- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: Lễ hội.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs đọc to rõ ràng, phát âm chuẩn n, l.

3. Thái độ:

- GD học sinh đọc đúng, viết chữ đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Tranh.
- Học sinh: Bộ ghép chữ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3' 15'	Tiết 1: Kiểm tra : *Hoạt động 1:	<p>Oi, ai, nhà ngói, bé gái,ngà voi, cái còi .</p> <p>* Viết bảng: ôi.</p> <p>Cho học sinh gắn bảng gắn</p> <p>-Phát âm: ôi.</p> <p>-Hướng dẫn HS phân tích vần ôi.</p> <p>-Hướng dẫn HS đánh vần vần ôi.</p> <p>-Đọc: ôi.</p>	<p>- HS đọc</p> <p>HS gắn âm ô và âm i</p> <p>Vần ôi</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Vần ôi có âm ô đứng trước, âm i đứng sau: Cá nhân.</p> <p>Ô - i - ôi: cá nhân, nhóm, lớp.</p> <p>Cá nhân, nhóm, lớp.</p>

15'	<p>*Hoạt động 2:</p>	<p>-Hướng dẫn học sinh gắn: ôi. -Hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ôi. - Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng ôi. -Đọc: ôi. -Treo tranh giới thiệu: Trái ôi. -Đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc. -Đọc phần 1. *Viết bảng: oi. -Phát âm: oi. -Hướng dẫn HS gắn vần oi. -Hướng dẫn HS phân tích vần oi. -So sánh: +Giống: i cuối. +Khác: ô - ơ đầu -Hướng dẫn học sinh đánh vần vần oi. -Đọc: oi. -Hướng dẫn học sinh gắn tiếng bơi. -Hướng dẫn học sinh phân tích tiếng bơi. -Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng bơi. -Đọc: bơi. -Treo tranh giới thiệu: bơi lội. -GV đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc từ bơi lội. -Đọc phần 2. *Viết bảng con: ôi, oi, trái ôi, bơi lội. -Hướng dẫn cách viết. -Nhận xét, sửa sai. Đọc từ ứng dụng. cái chổi ngôi mới thời còi đồ chơi Giảng từ -Hướng dẫn nhận biết tiếng có ôi – oi.</p>	<p>Tiếng ôi có âm ô đứng trước âm i đứng sau, dấu hỏi đánh trên âm ô. Ô - i - ôi - hỏi - ôi: cá nhân. Cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Vần oi. Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần oi có âm ơ đứng trước, âm i đứng sau: cá nhân. So sánh. Ô - i - oi: cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Tiếng bơi có âm b đứng trước, vần oi đứng sau: cá nhân. Bờ - oi - bơi: cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, lớp. HS viết bảng con.</p>
15'	<p>*Hoạt động 3:</p>	<p>2 - 3 em đọc. chổi, mới, thời, chơi. Cá nhân, lớp.</p>	<p>Cá nhân, lớp.</p>

15'	<p>Tiết 2: *Hoạt động 1:</p>	<p>-Hướng dẫn đánh vần tiếng, đọc trơn từ. -Đọc toàn bài. Luyện đọc. -Đọc bài tiết 1. -Treo tranh giới thiệu câu -Đọc câu ứng dụng: Bé trai , bé gái đi chơi phố với bố mẹ. -Giáo viên đọc mẫu. -Đọc toàn bài.</p>	<p>Cá nhân, lớp. 2 em đọc. Nhận biết tiếng có oi. Cá nhân, lớp.</p>
1'	<p>*Hoạt động 2:</p>	<p>*Luyện viết. -Lưu ý nét nối giữa các chữ và các dấu. -nhận xét.</p>	<p>Cá nhân, lớp. Viết vào vở tập viết.</p>
5'	<p>*Nghỉ giữa tiết:</p> <p>*Hoạt động 3:</p>	<p>*Luyện nói: -Chủ đề: Lễ hội. -Treo tranh: + Tranh vẽ gì? + Quê em có những lễ hội gì? Vào mùa nào? + Trong lễ hội thường có những gì? -Nêu lại chủ đề: Lễ hội.</p>	<p>Tranh vẽ về lễ hội. HS trả lời tự nhiên: có cờ hội, mọi người mặc đẹp.. Cờ treo, người ăn mặc đẹp, hát ca, các trò vui...</p>
3'	<p>*Hoạt động 4:</p>	<p>* Chơi trò chơi tìm tiếng mới: bà nội, chơi bi ... -Dẫn HS học thuộc bài.</p>	<p>Tự trả lời.</p>

LUYỆN TẬP (trang 50)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 5.
- Tập biểu thị tình huống trong tranh bằng 1 phép cộng.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs tính cẩn thận khi làm bài

3. Thái độ:

- Giáo dục cho học sinh ham học toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Sách, tranh.
- Học sinh: Sách, bảng gấn.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
30'	Kiểm tra	$3 + 2 =$ $5 = 3 + \square$ $4 + \square = 5$ $5 = 4 + \square$ $\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	- HS làm bài
	*Hoạt động 1:	*Giới thiệu bài: Luyện tập. Hướng dẫn học sinh làm bài tập. * Bài 1: -Cho cả lớp đọc bảng cộng trong phạm vi 5.	- HS làm SGK Nêu yêu cầu Đọc đồng thanh. $3 + 2 = 2 + 3$. Trong phép

5'	*Hoạt động 2:	<p>-Gọi học sinh nhận xét 2 phép tính. -1 em lên làm bài trên bảng.</p> <p>*Bài 2: Tính theo hàng dọc, viết số thẳng với các số ở trên.</p> <p>*Bài 3: (dòng 1) Tính: -1 em sửa bài.</p> <p>*Bài 5: Gắn 3 con mèo và 2 con mèo. -Gọi học sinh nêu đề toán, trả lời, phép tính. -Cho xem tranh. Nêu đề bài.</p> <p>-Chơi trò chơi : Dán hoa. -Dặn học sinh về ôn bài.</p>	<p>cộng, khi đổi chỗ các số, kết quả không thay đổi. - HS làm bảng con</p> <p>-HS làm Lấy số thứ 1 cộng số thứ 2 và cộng số thứ 3.</p> <p>Nêu đề bài: Có 3 con mèo và 2 con mèo. Hỏi có tất cả mấy con mèo? 1 em trả lời. Nêu phép tính: $3 + 2 = 5$ $2 + 3 = 5$ Có 1 con chim và 4 con chim. Hỏi có tất cả mấy con chim? 1 em trả lời. Làm vào sách giáo khoa: $1 + 4 = 5$ $4 + 1 = 5$</p>
----	----------------------	---	---

Tự Nhiên và Xã Hội
ĂN UỐNG HÀNG NGÀY

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- 1. Kiến thức:** - Học sinh biết kể tên những thức ăn cần ăn trong ngày để mau lớn và khỏe.
- 2. Kỹ năng:** - Nói được cần phải ăn uống như thế nào để có sức khỏe tốt.
- 3. Thái độ:** - Có ý thức tự giác trong việc ăn uống: Ăn đủ no, uống đủ nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Tranh, sách
- Học sinh: Sách.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :

- 1. Ôn định tổ chức: 1'**
- 2. Tiến trình giờ dạy.**

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3'	Kiểm tra	HS nêu cách rửa mặt hợp vệ sinh?	- HS trả lời.
1'	*Hoạt động 1:	*Giới thiệu bài: Ăn uống hàng ngày.	
12'	*Hoạt động 2:	*Trò chơi “Con thỏ ăn cỏ, uống nước, vào hang”. -Giáo viên hướng dẫn chơi Học sinh kể tên những thức ăn, đồ uống ta thường ăn hàng ngày. H: Các em thích loại thức ăn nào	Học sinh chơi. Học sinh suy nghĩ.

		<p>trong số đó? H: Kể tên các loại thức ăn có trong tranh? -Giáo viên động viên học sinh nên ăn nhiều loại thức ăn sẽ có lợi cho sức khỏe.</p>	<p>1 số em lên kể trước lớp. Tự trả lời. Tự trả lời.</p>
15'	*Hoạt động 3:	<p>*Học sinh quan sát sách giáo khoa. H: Hình nào cho biết sự lớn lên của cơ thể? H: Hình nào cho biết các bạn học tập tốt? H: Hình nào thể hiện bạn có sức khỏe tốt?</p>	<p>Nhắc lại. Học sinh mở sách, xem tranh.</p>
5'	*Hoạt động 4:	<p>*Kết luận: Chúng ta phải ăn uống hàng ngày để cơ thể mau lớn, có sức khỏe và học tập tốt. Hoạt động cả lớp. H: Khi nào chúng ta cần phải ăn uống? H: Hàng ngày em ăn mấy bữa, vào lúc nào? H: Tại sao không nên ăn bánh kẹo trước bữa ăn chính? -Trò chơi “Đi chợ giúp mẹ” -Thực hành ăn uống hàng ngày tốt.</p>	<p>Khi đói và khát. Tự trả lời. Để bữa ăn chính được nhiều và ngon miệng.</p>

Thủ công

XÉ, DÁN HÌNH CÂY ĐƠN GIẢN (tiết 1)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- 1. Kiến thức:** - Học sinh xé, dán hình cây đơn giản.
- 2. Kỹ năng:** - Xé được hình tán cây, thân cây và dán cân đối.
- 3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Bài mẫu, giấy màu, hồ.
- Học sinh: Giấy màu, giấy trắng, hồ dán, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

- 1. Ổn định tổ chức: 1'**
- 2. Tiến trình giờ dạy.**

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3'	* Kiểm tra	Kiểm tra đồ dùng của học sinh	
10'	*Hoạt động 1:	* Hướng dẫn học sinh quan sát và nhận xét. -Cho học sinh xem bài mẫu. H: Đây là hình gì? -Giới thiệu bài. Ghi đề. H: Cây có những bộ phận gì? H: Thân cây, tán cây có màu gì?	Hình cái cây. Đọc đề bài. Thân cây, tán cây. Thân cây màu nâu, tán cây màu xanh.

10'	<p>*Hoạt động 2:</p>	<p>H: Em nào còn biết thêm về màu sắc của cây mà em đã nhìn thấy? -Vậy khi xé, dán em chọn màu mà em biết, em thích. Giáo viên hướng dẫn. a/ Xé hình tán lá cây: -Xé tán lá cây tròn: Xé hình vuông cạnh 6 ô, xé 4 góc thành hình tán cây (Màu xanh lá cây). -Xé tán cây dài: Xé hình chữ nhật cạnh 8 ô, 5ô, xé 4 góc chỉnh sửa cho giống hình lá cây dài (Màu xanh đậm). b/ Xé hình thân cây: -Giấy màu nâu xé cạnh 1 ô, dài 6 ô, 1 ô và 4 ô. c/ Hướng dẫn dán hình: -Dán tán lá và thân cây. -Dán thân gắn với tán tròn. -Dán thân dài với tán dài.</p>	<p>Màu xanh đậm, màu xanh nhạt. Quan sát.</p> <div data-bbox="1047 590 1227 772" style="border: 1px solid black; width: 111px; height: 87px; margin: 10px auto;"></div> <p>Quan sát 2 cây vừa dán.</p>
2'	<p>Giải lao</p>		
10'	<p>*Hoạt động 3:</p>	<p>* Hướng dẫn học sinh thực hành. -Yêu cầu học sinh lấy 1 tờ giấy màu xanh lá cây, xanh đậm. -Yêu cầu học sinh đếm ô, đánh dấu. - Yêu cầu học sinh xé thân cây. -Giáo viên uốn nắn thao tác của học sinh. -Hướng dẫn dán cây.</p>	<p>Lấy giấy màu (Xanh lá cây, xanh đậm). Học sinh đánh dấu, vẽ, xé hình vuông cạnh 5ô, hình chữ nhật cạnh 8ô, 5ô. Xé 4 góc tạo tán lá tròn và dài. Lấy giấy màu nâu xé 2 thân: dài 6ô, dài 4ô, rộng 1ô.</p>
3'	<p>*Hoạt động 4</p>	<p>* Thu chấm, nhận xét. -Đánh giá sản phẩm. -Dặn học sinh chuẩn bị bài sau.</p>	<p>Cần xếp cân đối trước khi dán, bôi hồ đều, dán cho phẳng.</p>

Thứ sáu ngày 31 tháng 10 năm 2014

Học vần

Bài : UI – UI

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức

- Học sinh đọc được ui, ui, đồi núi, gửi thư. Đọc được từ, câu ứng dụng.
- Viết đ ư ợc ui, ui, đ ồi núi, gửi thư.
- Luyện nói từ 2-3 c âu theo chủ đề: Đồi núi.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs đọc to, rõ ràng, phát âm chuẩn n, l.

3. Thái độ:

- GD học sinh đọc đúng, viết chữ đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Giáo viên: Tranh.
- Học sinh: Bộ ghép chữ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
3'	<u>Tiết 1:</u> Kiểm	Học sinh đọc bài: Trái ổi, xôi gà, xe tới nghỉ ngơi	